

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 15 tháng 12 năm 2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **PHẠM THỊ CHUYỀN**. Ngày tháng năm sinh: 07/6/1982.
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Bí thư Chi bộ, Phó hiệu trưởng trường mầm non Đa Phúc.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Đa Phúc phường Hưng Đạo.
- Nơi thường trú: Thôn Xuân La, xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân: 031182018784, Cấp ngày 31/8/2021, Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an.

2. Chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **BÙI DUY TÂN**: Ngày tháng năm sinh: 19/10/1981.
- Nghề nghiệp: Công chức nhà nước.
- Nơi làm việc: Văn phòng HĐND và UBND phường Hưng Đạo
- Nơi thường trú: Thôn Xuân La, xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.
- Số căn cước công dân: 031081000204, Cấp ngày 23/12/2021, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất (con đẻ).

- Họ và tên: **BÙI THỊ TÚ LAM**. Ngày tháng năm sinh: 13/8/2011.
- Nơi thường trú: Thôn Xuân La, xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.
- Số định danh cá nhân: 031311017004

3.2. Con thứ hai (con đẻ).

- Họ và tên: **BÙI TRÍ NHÂN**. Ngày tháng năm sinh: 17/9/2016.
- Nơi thường trú: Thôn Xuân La, xã Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng.
- Số định danh cá nhân: 031.216.010.550

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Xuân La, xã Kiến Thụy, Hải Phòng.
- Diện tích: **240m².**
- Giá trị: **240.000.000 đồng.**
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **Chưa được cấp.**
- Thông tin khác: **Đất thừa kế của ông bà nội.**

1.1.2. Thừa thứ hai: **Không có**

1.2. Các loại đất khác: **Không có.**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà ở thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Xuân La - Xã Kiến Thụy - Hải Phòng.
- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ
- Diện tích sử dụng: **130m².**
- Giá trị: **01 tỷ đồng.**
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: **Không có.**
- Thông tin khác: **Không có.**

2.1.2. Nhà ở thứ hai: **Không có.**

2.2. Công trình xây dựng khác: **Không có.**

3. Tài sản khác gắn liền với đất:

3.1. Cây lâu năm: **Không có.**

3.2. Rừng sản xuất: **Không có.**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không có.**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. **Không có.**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. **Không có.**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không có.**

6.1. Cổ phiếu: **Không có.**

6.2. Trái phiếu: **Không có.**

6.3. Vốn góp: **Không có.**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: **Không có.**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
01 xe gắn máy, hiệu SH mode.

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...): **Không có.**

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): **Không có.**

8. Tài sản ở nước ngoài: **Không có.**

9. Tài khoản ở nước ngoài: **Không có.**

10. Tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai

- Tổng thu nhập của người kê khai: 366 triệu đồng/năm.

- Tổng thu nhập của chồng: 234 triệu đồng/năm.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không có.

- Tổng các khoản thu nhập chung: 600.000.000 đ/ năm.

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

Loại tài sản, thu nhập	Tăng /giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	Không		
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác	Không		
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở	Không		
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất	Không		
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất	Không		
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước	Không		

<p>ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.</p>	<p>Không</p> <p>Không</p> <p>Không</p>	<p>600 triệu đồng</p>	<p>- Tổng thu nhập của người kê khai năm 2025: 366.000.000 đồng/năm. Trong đó:</p> <p>- Lương+phụ cấp cả năm là: 294.000.000đ</p> <p>- Phụ cấp tăng thêm năm 2025 là: 72.000.000 đồng</p> <p>- Tổng thu nhập của chồng năm 2025 là: 234.000.000đ Trong đó:</p> <p>- Lương+ phụ cấp năm 2025 là: 144.000.000đ</p> <p>- Phụ cấp tăng thêm năm 2025 là: 90.000.000 đồng</p>
---	---	------------------------------	--

Hưng Đạo, ngày /12/2025
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



Bùi Thị Thu Huyền

Hưng Đạo, ngày 15/12/2025
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Phạm Thị Chuyền